

TAM ÍCH

VẤN ĐỀ KHAI THÁC GIA TÀI TRI THỨC CỦA TIỀN NHÂN



Vấn đề khai thác gia tài tri thức của tiền nhân

Tam Ích

**vấn đề khai thác
gia tài tri thức
của tiền nhân**

Tam Ích

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

**vấn đề khai thác
gia tài trí thức
của tiền nhân**

TAM ÍCH

**Tuần báo NGHỆ THUẬT
số 12 * 18-25/12/1965**

MỤC LỤC

1. Tiểu sử nhà văn Tam Ích	9
2. Vấn đề khai thác gia tài tri thức của tiền nhân – <i>Tam Ích</i>	13
3. Tưởng niệm Tam Ích <i>Nguyễn Quốc Trụ</i>	39
4. Tam Ích Lê Nguyên Tiệp, Một Lời Nguyện Thiết Tha: Xin Cho Tôi Chết Lẹ - <i>Vũ Bằng</i>	46
5. Đọc thêm về Tam Ích <i>Viên Linh</i>	81



Nhà văn Tam Ích Lê Nguyên Tiệp
(1915 - 1972)

Tiểu Sử

Tên thật là Lê Nguyên Tiệp, là nhà văn trước năm 1975. Ngoài bút danh Tam Ích, ông còn ký XXX và Trúc Lâm.

Ông là người xã Ngọc Đường, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Cha ông là cử nhân Lê Nguyên Phong.

Ông dạy học, viết báo, soạn nhiều tiểu luận, phê bình văn và triết học.

Ngày 5 tháng 1 năm 1972, Tam Ích tự tử (thắt cổ chết bằng cách dùng sách làm bệ để treo dây) tại nhà riêng số 563/74 đường Phan Đình Phùng, Sài Gòn, hưởng dương 57 tuổi.

Để tưởng niệm Tam Ích, ngày 15 tháng 05 năm 1972, tạp chí Văn (Sài Gòn) có ra số đặc biệt, giới thiệu mười tiểu luận đặc sắc của ông.

Tác Phẩm:

Tác phẩm Tam Ích đã xuất bản:

Nghệ thuật và nhân sinh (Chân trời mới, 1951)

Văn nghệ và phê bình (Nam Việt, 1950)

Dialogue (Pháp ngữ, 1965)

Văn chương và xã hội (Nam Việt, 1948)

Kêu thương (dịch, Chúng ngôn, 1967)

Trẻ Guernica (truyện dịch)

Sartre và Heidegger trên thảm xanh
(1968)

Ý văn I (khảo luận, 1969)

Di cảo chưa in:

Triết học Đông Tây chung quanh
bàn tròn

Lăn lửa (kịch dài)

Ý văn II

Hồ sơ văn hóa

Phê bình tiểu luận: 10 văn sĩ tiền
chiến và hiện đại, cùng nhiều tiểu luận
đăng trên các tạp chí ở Sài Gòn

VẤN ĐỀ KHAI THÁC
GIA TÀI TRI THỨC
CỦA TIỀN NHÂN

TAM ÍCH

Kích thước gia tài tri thức của tiền nhân, kể cả sanh nhân văn học cận hiện đại, cho người đời khai thác, thật không thể dùng thông minh của con người mà đo lường nổi. Bên Tây thì từ thời Cổ-La-Hy, đến thời La-Hy, đến thời Phục Hưng. Bên Đông thời từ Ngũ đế và Hạ Thương cho đến Khổng Khâu

đời Xuân thu trở về sau.

Người cận đại và hiện đại chỉ còn khai thác và dùng vạn-hoa-kính soi vào gia tài ấy để phong phú hóa, nhất là để thừa hưởng. Cũng như con cháu khai thác đất sống của ông bà để lại... Nhưng chuyện đất đai thì còn giản dị, chuyện trí thức mới thật là rắc rối, phức tạp và oái oăm.

Oái oăm thật chứ chẳng phải vừa: nhỏ thì có thể gây chuyện xung đột vặt, lớn có thể gây thành chiến tranh, máu và nước mắt chan hòa... Không trách mà đã có người lăm le đem cái lợi khí ghê gớm nhất (nghĩa tốt cũng như nghĩa xấu) của loài người là ngôn ngữ ra vành móng ngựa của lịch sử và lên án chung thân. Chẳng có cách nào trừng trị nó bằng cách không dùng nó nữa: đó là việc làm của phái thiên tông của Phật

giáo. Hai ba ngàn năm trước đã có ông già Lão Đam thấy trước cái việc hai ba ngàn năm sau con cháu mới thấy rõ trù tin đồ chân chính của thiên tông: ngôn ngữ gây xuyên tạc, gây hiểu lầm... và dẫn dắt theo nó tai họa nhân sinh không bao giờ dứt... trong lịch sử !

*

Lời lẽ của thánh hiền để lại cho ngàn đời, thiên hạ hiểu mỗi người mỗi cách. Nay nhé, có một chữ “cách vật” trong sách Đại học mà hơn bảy chục nhà nho lớn giải thích mỗi người mỗi cách... ấy là chưa kể ông Vương Dương Minh ngày xưa ngày xưa đã có một đạo tưởng đâu cách vật là sáng sáng ra đăm đăm nhìn thẳng vào cây cối coi chúng lớn làm sao và nảy nở thế nào...

Này nhé: phải duy vật biện chứng lật ngược lật ngược xuôi cái biện chứng pháp của Hégel thế nào chẳng biết rốt cục, đã không đả phá hết được Hégel mà lại còn làm cho trí thức giới ngờ rằng: suy đến cực vi cực diệu cái hệ thống duy vật biện chứng thì cái thực thể vật chất của phái duy vật thật không khác gì cái ý niệm phổ biến và trừu tượng (Idée universelle et abstraite) của Hégel chứ chẳng phải cái vật chất của các nhà vật lý học vì chính cái vật chất nay mới đối với cái tinh thần! Này nhé: Kierkegard, Hégel, Sartre – kể cả ông Vũ Đình Lưu hình như ký là Cô Liêu đã viết những bài khảo luận rất vững rất chững về văn học mà tôi đã được đọc và đã viết bài “Con người và thiên nhiên” trong *Giữ thơm Quê Mẹ* số 6 ra tháng chạp dương lịch mới rồi – mỗi người cho danh từ conscience malheu-

reuse một nghĩa, nghĩa của họ ít nhiều khác nhau...

Này nhé: hai chữ trung dung của đức Khổng Tử để lại... đã có người hiểu là không thái quá không bất cập và đã áp dụng vào đời sống để sống cho khỏi... quá đáng – kể cả ông Lã Đông Lai là một bậc đại nho Trung Quốc..., kể cả bậc đại nho Việt Nam cận đại là ông Dương Quảng Hàm...

Này nhé: về cái yếu lý của Hégel: “Tout ce qui est réel est rationnel, tout ce qui est rationnel est réel¹” của Hégel cũng mạnh ai nấy hiểu theo ý mình: Jean Guéhenno thì cho rằng cái gì có thực (réel) thì hợp lý (rationnel) – hiểu mỗi chữ của yếu lý theo nghĩa quán lệ; người thì nói một cách rất khó hiểu rằng thực

1 Mọi thứ có thật là có lý, mọi thứ có lý đều có thật

tại nhân sinh bao giờ cũng hợp lý thiên nhiên; thực ra thì yếu lý ấy phải hiểu như sau này: réel vốn là một tính từ pháp ngữ *réalité* là thực tại và *rationnel* vốn là tính từ của pháp ngữ *raison* là lý tính. *Réalité* đây là thực tại thường tịch bản thể của vũ trụ và *raison* đây là lý tính phổ biến, thực thì cứu cánh của cuộc “hành trình” của bản thể thường tịch trên con đường biện chứng của nó – nói một cách khác bản thể ấy (có tên là ý tưởng tuyệt đối, là *Idée absolue*) đã tự nó trước kia mất nó, bây giờ tự nó, nó còn được nó (à la *recherche d'elle-même*); cho nên trên con đường biện chứng dài dằng dặc dài mù mịt, trong cuộc “hành trình”, vạn pháp (tôi mượn chữ nhà Phật mà tôi cho là ổn) vô thường chỉ là phản ảnh của thực tại bản thể thường tịch, mang trong nó một bóng dáng của Thực tại tuyệt đối

ấy, đồng thời biến thành “bóng dáng” của Lý-tính phổ biến – một ngày kia thực tại bản thể sẽ đồng nhất với Lý tính phổ biến viết hoa ở điểm cùng cực của quá trình biến chứng của lịch sử. (Khi đã đồng nhất thì cái Một sẽ xuất hiện, mọi danh từ dùng để chỉ cái Một ấy mất và Ý niệm về Thượng đế của Hegel xuất hiện. Vì Thượng đế của Hegel là Thượng đế đương sinh thành (Dieu en formation) chứ không như Thượng đế của các hạ tầng nguyên nguyên xuất dựng một Thượng đế có trước và ngoài không thời gian vạn vật – cũng chính vì vậy mà Ludwig Feuerbach nói phỏng theo Hegel để nói là con người tạo Thượng đế theo hình ảnh mình (L’homme crée Dieu à son image), ngược hẳn với Thiên Chúa Giáo nói là Thượng đế tạo con người theo hình ảnh của Người (Dieu crée l’homme à son im-

age) – và đó là một trong những lý do mà Hegel và Feuerbach chẳng được Giáo hội “thương” mà cũng bị luôn phái mácxít... “ghét”....

Xin trở lại yếu lý “tout ce qui est réel...” chuyển qua Nho giáo thì vạn vật các hữu thái cực, con người “minh minh đức” cho đến ngày thiên lý thực hiện vì vạn vật – nhất là con người – chứa mầm thái cực gọi là minh đức, cũng như vạn pháp đều chứa Réalité của Hegel vì mầm Raison sẽ thăng hoa cho đến ngày hai thực thể siêu hình ấy đồng nhất; và chuyển qua Phật giáo thì con người có phật tính, một ngày kia sẽ chùi sạch được vô minh và đạt đến Như có một tên khác là Niết bàn... chẳng hạn...

Còn như Thiên Chúa giáo nói rằng Chúa tạo con người theo hình ảnh của

Người (Dieu crée l'homme à son image) và con người đều hàm chứa “bóng dáng” của Tổ Thiện (của Platon) thì vạn pháp của Hegel chứa bóng dáng của thực-tại-tuyệt đối mang cái tên Lý-tín phổ-biến ở cứu cánh lịch sử – thì có gì là lạ !

Nhưng thôi bây giờ bỏ Hegel đi ngược lên Aristote để coi hậu thế “khai thác” gia-tài tri-thức của bậc tiền nhân ra sao ! Đã có một học giả Tây phương viết về triết học Á đông, khi viết về Phật giáo lại viết rằng Phật giáo giống Aristote vì Phật chủ trương vũ trụ vô thủy vô chung còn với Aristote, vũ trụ không từng có bắt đầu và sẽ không có chấm dứt (Il – le monde – n’a pas commencé, il ne finira pas); và khi viết về Nho giáo thì cho cái trung dung của thầy Tử Tư soạn giống cái trung dung của Aristote... Mô Phật! Tôi tưởng so sánh vậy là lắm lớn;

vì Phật giáo không đặt vấn đề Thượng đế còn Aristote chủ trương có Thượng đế và Thượng đế của Aristote gọi là Actepur; đồng thời cái vô-thủy-vô-chung của Aristote khác hẳn của Phật – Khác là vì, đối với Aristote, thời gian không lúc nào hết (Atepuiser) nghĩa – là lúc nào cũng đương bắt đầu và đương ngưng (en train de commencer et de finir), và dịch (mouvement) là một thực thể bất diệt và vô cùng (éternel), còn cái trung dung của Aristote tên gọi là “juste milieu” chỉ là một nguyên tắc về luân lý thông thường Ngài dạy cho bá tánh – một thái độ sống đừng thái quá đừng bất cập; còn trung dung của Khổng Khâu là cứu cánh của vũ trụ, đối tượng của phần giải thoát luận của phần hình-nhi-thượng tức là phân cực vi của cái học tân truyền (esotérique) mà tôi ngờ là trong bảy chục môn sinh cao cấp của Ngài chỉ có hai

ông Tăng Diêm và Nhan Hôi là... tâm đắc trước hết – đó là đường đi tới Thiên lý rất tế rất vì rất uyên ảo, và cũng con đường đó, Lão dạy đi tới Vô Vi hay Đạo, Phật dạy đi tới Như...

✱

Còn cả một ngàn lẻ một... yếu lý về triết học ở vào tình cảnh... mạnh ai nấy hiểu theo ý mình, và lăm le chiếm độc quyền hiểu và biết – nói sao cho hết !

Lịch sử càng đi vào bề sâu bề xa thì cái tình trạng khai thác gia tài trí thức của thánh hiền mỗi người mỗi cách... càng trầm trọng: ai cũng chiếm độc quyền hiểu cổ nhân, ai cũng đi vào sự hiểu cổ nhân một dung tích chủ quan lớn quá,

ai cũng cho mình là đúng và kẻ khác đã lầm..... Ấy là chưa nói đến một vấn đề khác – nói tình trạng thì đúng hơn – lo tình trạng tam sao thất bản, kết quả càng ngày càng trầm trọng dài hàng hai ba ngàn năm của sự phần thư khanh nho của Tần Thủy Hoàng; tình trạng trí-thức-giới của lịch sử muốn giải thích thánh hiền cách nào cũng được: nho giáo đứt đi vì nhà Tần, qua Hán, Đường, Tống – nhất là Tống ... Thanh, cho đến cuối thế kỷ thứ mười chín thật đã đưa đầu cho bao nhiêu dao kéo, bao nhiêu dao thớt, bao nhiêu máy chém, bao nhiêu chân vẽ thêm cho rần để cho sĩ phu làm mặt thông thái và khác đời...; tình trạng cố ý xuyên tạc cổ nhân để hướng về quyền lợi chính trị của mình...

Thật có cả một ngàn lẻ một... tình trạng, kể không hết!

Câu chuyện cuối cùng tôi mới nói đó, tôi xin kể chuyện bên Tây : thực ra cố ý xuyên tạc cổ nhân hay là giải thích cổ nhân theo ý chủ quan của mình... thì cũng vậy!

Ai cũng biết Michelet là một sử gia lớn của Pháp. Mãi đến năm 51 tuổi, nhà làm sử ấy mới lấy bà Athenais Mialaret 23 tuổi.

Khi Michelet chết rồi thì bà vợ quý hóa ấy đã theo nhật ký văn kiện rời rạc... Michelet để lại, xuyên tạc hản đi và viết cuốn Romes rồi ký tên Michelet ...! Giá có ai lại dựa vào tài liệu ấy viết một số sách khác thì sai một ly, một vài thế kỷ sau, sai mãi sẽ đi... một dặm – tai hại kể

làm sao hết và chân lý đã biến thể bao nhiêu lần...?!

Nhưng trường hợp Michelet chưa nguy hiểm bằng Nietzsche! Người xuyên tạc nhà triết học ấy là bà em gái của chàng: bà Elisabeth Foerster, người có quyền giữ văn kiện của Nietzsche ở Weinir bên Đức... Bà ta đem văn kiện của ông anh ruột ra, xóa, bỏ, cắt, xén, thâm, bớt – và đã làm cho hệ thống tri thức, của Nietzsche có một bộ mặt ý tưởng khác hẳn, nếu không phải là trái ngược! Trái ngược vì chính bà đã viết một cuốn sách và phát minh ra cái tên *Volonté de puissance* [ý chí quyền lực] – trong khi anh bà nằm tại một nhà thương dưỡng thần kinh... Và ai cũng đã biết: Kết quả của cuốn *Volonté de puissance* là gã Hitler và mười năm quốc xã khủng khiếp ! Tội nghiệp cho Nietzsche, bình sinh Nietzsche đã từng

mắng chủ nghĩa quân phiệt của Bismeer và binh vực các dân tộc Do Thái, Ả Rập...

Chứ có đâu lại chủ trương tàn sát dân Do Thái như Hitler... Té ra một phần lớn chỉ vì bà em gái quý hóa ấy mà chủ nghĩa phát-xít ra đời – để hại đến ngày nay cũng còn chình ình ra đó, ai cũng thấy...

*

Thánh hiền đã chết rồi : nói cho đúng, ngày nay giải thích sai thánh hiền một cách rất chủ quan, hay xuyên tạc thánh hiền, hay... đốt sách chôn học trò... thì cũng vậy: cái HẠI chỉ khác nhau ở trình độ mà thôi! Trên cao cái tội chém giết thánh hiền có Tần Thủy Hoàng : Phần Thu Khanh Nho... Và dưới

thấp nhất có bà vợ Michelet và bà em của Nietzsche – và ngồi bên cạnh cùng một chiếu có những nhà văn giỏi giết Thi Nại Am bằng cách viết thêm năm ba chương mới vào bộ Thủy Hử, làm cho chính kẻ viết bài này ngày xưa đã nghênh ngang cười vào mũi Tống Giarg hơn một lần... Mô Phật!

Qua bao nhiêu thế kỷ, những yếu lý của thánh hiền bị xuyên tạc bao nhiêu lần, biến thể đi bao nhiêu lần thánh hiền còn để lại cho đời sau bao nhiêu là chất chân chính và xác thực?

✱

 ình trạng đã thế, tại sao người
ngàn đời sau lại có nhiều người

cứ định rằng chỉ có một mình mình là độc quyền hiểu thánh hiền hay hiểu danh nhân này, danh nhân nọ?! Và mỗi sách đem ra tham khảo. chúng ta lại cứ nhất định rằng, chỉ có nó là đúng! Vấn đề chân lý – chân lý viết thường, không viết hoa – đặt làm sao cho chính xác – để cho một đời sau, hai đời sau, ngàn đời sau... khỏi bị lừa gạt! Thực ra, nói cho xác cho đúng chỉ có riêng cá nhân thánh hiền là tự mình hiểu chính mình: Họ chết rồi, đời sau cái vụn hoa kính chiếu vào, ai có kính màu của người nấy... Và thực chất của chân lý thật là mù mù mịt mịt – vì nhà triết học và nhà khoa học chưa gặp nhau ...

Ông Albert Einstein đứng chứng kiến một việc xảy ra một người thợ đương làm việc ngoài công trường ngã từ lên cao xuống đất... Nhà thông thái

đăng trí của chúng ta quên mất số phận của người công nhân, chẳng tìm hiểu coi người thợ có què có gãy tay không, chỉ hỏi mình : “Ừa, người thợ ngã từ trên cao xuống đất, hay là cái nhà từ dưới thấp bay lên cao.... gặp người thợ?” (Nguyên văn: Est-ce le constructeur qui tombe ou la maison qui monte?) Ông đương tìm một định lý vật lý đấy! Nhưng như vậy là ông làm một việc đúng hay sai? Nếu định lý ngược định lý thông thường là định lý đúng... thì rồi mới làm sao đây? Cứ có những nhà thông thái cỡ Einstein, Oppenheimer. Pontecava... mới rõ!

Nhưng ít nhất cử chỉ của ông Einstein đã làm chúng ta ngờ ngợ về những chân lý, bản chất chân lý... Một định lý vật lý có chắc định lý triết học không, khác thì khác ra sao, đến trình độ nào....? Nhà khoa học đưa ra một định đề (postular)

rồi sẽ chứng nghiệm sau để chứng minh giá trị chân lý của định đề. Còn thầy Mạnh Tử chỉ nghiệm một cách phiến diện về một vài sự kiện rồi đưa ra định đề tính bản thiện — đến bây giờ vẫn chưa có ai chứng nghiệm một cách khoa học cái lý tuột đối của nó. Thầy Tuân tử lại làm ngược lại và đưa ra một định đề ngược — cho đến bây giờ cũng mới chỉ có Lý Tu, Thương Ưởng ngày xưa... là chứng nghiệm mà kết quả cũng chỉ có máu và nước mắt chan hòa...

Trừ Thiên Chúa giáo phải viện thế lực một đấng tối cao là Thượng đế.

Chỉ có Phật giáo là nói vô-ký-tính của bản thể thường tịnh, là hợp lý – chuyện siêu cực hóa (extra-polation), dù là trên diện tính chất của bản thể, chỉ là một chuyện còn để đẩy, gác đẩy....

Nói vậy, nói như tôi nói, thì rồi có bạn sẽ hỏi rằng nếu cứ ngờ vực bản chất của chân lý thánh hiền đã vạch ra, thì rồi tìm tiêu chuẩn ở đâu, và lấy gì làm tiêu chuẩn cho mọi hướng lập luận trong ý tưởng giới. Bao nhiêu thể hệ trí thức đến sau cần phải có bao nhiêu gia tài trí thức ấy để soi hướng tiến hóa đấy chứ! Thật ra, tôi tưởng cá nhân chỉ còn trông cậy ở lẽ hợp lý hay phi lý — bắt nguồn từ sự sáng suốt của chính mình, phát sinh từ cái dung tích thông minh của chính mình cho phép mình phân biệt: mặt trận ý tưởng và trí thức đã sai biệt đến cực độ rồi. Lạc vào ý tưởng giới, trí thức giới như lạc vào trận mê hồn: làm sao ra ? Sự nghi ngờ ngay nay chỉ là sản phẩm của những biến động lớn của lịch

sử: hai trận thế chiến, mười năm quốc xã của Hitler, mười năm quân phiệt Đại Đông Á những trại tập trung Dachau, Buchenwald..., những lò “Four créma-toire” thiêu bao nhiêu triệu con người... đã làm cho con hết tin tưởng rồi! Tin vào Thượng đế thì Thượng đế lãnh đạm, mà bỏ Thượng đế thì cũng đến bơ vơ... dựa vào lịch sử — là quá khứ — tìn ở những giá trị truyền thống thì những giá trị đã tan vỡ, đồng thời thánh hiền không có mặt: mạnh ai nấy giải thích thánh hiền, mạnh ai nấy chiếm độc quyền tư tưởng vậy!

✱

Chỉ còn một cách. Về phương diện những người ngày nay lập ngôn thì họ không được phép tự mình

mâu thuẫn với mình đề cao người trẻ tuổi biết đường mà dò, biết đường mà hướng — mà suy luận... Còn về phương diện những người khảo luận và san định mọi thành tố gia tài tri thức tiền nhân cả danh nhân hiện đại — thì họ không được phép sai — chỉ được phép lầm.

Nói rằng Tuân Tử là nho sĩ chính truyền là lầm — được. Nhưng nói rằng người Âu tây chuộng vật chất, người Á đông chuộng tinh thần, hay là ông cha chúng ta là duy tâm còn thế hệ thanh niên ngày nay là duy vật, thì quả tình là sai — không được! Lầm là thế. Sai là thế. Xin phép dựng lên một vài ví dụ như vậy để ăn nói cho rõ!

*

 rừ phi là chúng ta loài người ngày nay còn có quyền hy vọng:

hy vọng rằng một ngày kia nhà khoa học và nhà triết học gặp nhau cái “chất” bất nhị nào đó — vạch hẳn một hướng luân lý duy nhất cho cả loài người. Lúc ấy là lúc hai thực thể vật chất và tinh thần mà thường ngày thiên hạ vẫn cho là một cái thì cụ thể, một cái là trừu tượng... và hai thực thể “chủ” và “khách” hòa vào nhau biến thành một. Một. Một viết hoa điểm cuối cùng của hành trình của bản thể thường tịch.

*

Chỉ có một một điều đáng sợ: Khoa học thì đi nhanh vùn vụt mà tốc lực của luân lý thì chậm. Khoa học gia thì đã đến nguyên tử lực rồi mà luân lý gia thì vẫn con lệt đệt lăm le đem sách truyền thống ra... dạy... Một ngày kia triết gia theo kịp được nhà khoa học thì loài người đã tự sát mất rồi — mà sở

dĩ tự sát — ôi hài — cũng chỉ vì chính kết quả của khoa học: thuyết tương đối và nguyên tử lực chẳng phải là điểm cao nhất (tuyệt đối chưa?) của khoa học vật lý – toán học hay sao? Loài người tự sát và sẽ lồi cuồn luôn vào cõi chết nhà khoa học: lịch sử thường cho chúng ta thấy người nào phát minh chiến khí để giết và triệt lẽ hiếu sinh của Trời đất sẽ bị chiến khí ấy quật lại mình trước — những ai đã quên khu vực Pennemude và chàng Guillotine?

Triết gia và luân lý gia, nếu có còn sống sót, sẽ “mồ côi”: ở đời chẳng ai chỉ đơn thương độc mã mà lại làm nên chuyện bao giờ... Và con người ta thông minh lắm: cái gì rồi cũng tò mò biết được hết, làm được hết kể cả đẳng vân giá vũ, rắc đậu thành binh — duy chỉ có một điều nhất định không biết: ấy là chuyện

sau cái ngày bom khinh khí làm cho trái đất thành bãi... tha ma, con người còn không, nếu còn thì còn ai, còn bao nhiêu mạng — hay là không có thể có gì mọc lên được trên mặt đất nữa và lẽ hiển sinh tuyệt diệt một lần cuối cùng!

Trong toàn diện gia tài trí thức tiên nhân để lại cho loài người khai thác cái gì tế vi nhất cục diện nhất cũng đều đã có một tác giả nào tiên liệu — kể cả Jules Verne và các tác giả các sách phong thần riêng có — cái điều vừa ghê gớm vừa mâu nhiệm ấy — ôi mâu nhiệm — thấp đuốc mà tìm cũng không thấy dấu vết của một dự liệu (anticipation) nào của một lời tiên.... tri nào!

TAM ÍCH

TƯỞNG NIỆM TAM ÍCH

Nguyễn Quốc Trụ

“Tất cả nước bắn cũng không đủ để
gột sạch một vết máu trí thức.”

Sau khi đã bớt bàng hoàng, sửng sốt
vì tin ông Tam Ích thắt cổ tự tử do một
người quen, tự nhiên tôi nhớ tới câu nói
trên của một phê bình gia Tây phương
(tôi không còn nhớ nổi tên tác giả).
Cảnh tượng một ông già – một vị học
giả – lợi dụng lúc cả nhà đi vắng, khệ nệ

ôm một chồng sách lên trên sân thượng, ngồi nghỉ một lát cho đỡ mệt, rồi xếp chồng sách thành một đống cao, bước lên trên, thò đầu vào chiếc thông lọng, tự kết thúc đời mình; những “toan tính”, những sửa soạn châu báu như thế đó, cộng thêm bóng dáng ghê rợn của một “hình giáo đài” được xây dựng nên bằng chính những cuốn sách, tất cả đã làm cho câu “điếu văn” vừa viết ở trên không biết ở tận xó xỉnh nào trong ký ức đột nhiên trở về, vang động, rền rĩ, tương tự như âm thanh của một hồi chuông báo tử. Tôi không tìm hiểu tại sao ông bạn già đó đã tự kết liễu cuộc đời của chính ông, tất cả những câu văn đại loại như là: “Suy nghĩ coi cuộc đời đáng sống hay không đáng sống...”, “Tự tử là phán đoán cuối cùng của trí tưởng tượng...” ... tất cả những định nghĩa, mọi người đều biết và ông Tam Ích đã biết. Tôi cũng không

ngĩ đó là một hành động hèn nhát như sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư đã dạy. Cái chết của ông chỉ dâng lên trong một niềm kính phục.

Một ông già – một vị học giả - đã năm mươi tám tuổi, con cái đều đã trưởng thành, đã sống sau Marx và lâu hơn Marx (Marx và Marxisme); hay nói như mọi người đều nói, “đã qua cầu xã hội chủ nghĩa, cầu vô sản, đã vượt Marx, rồi sau đó (vẫn như mọi người nói) đã nhảy qua “hố thăm hiện sinh” để tới bờ bên kia của sa mạc, để tới cái chết. “Cuộc phiêu lưu của mỗi cá nhân trước Thượng Đế, trước Tha nhân và trước Cái chết, đó là ý nghĩa của hiện sinh.” (Kierkegaard) – “Mỗi thời đại, con người tự chọn lựa trước mặt người khác, trước Tình ái và trước Cái chết.” (Sartre) – “Nhân loại chỉ đặt để ra cho nó những vấn đề mà nó có

thể giải đáp được. Bí mật của vô sản là cái chết của Tư bản”. (Marx). ... Những khẩu hiệu đó, những câu hỏi đó, còn biết bao nhiêu câu hỏi khác của Khổng, của Lão, của Phật..., và cả của ông Tam Ích nữa, ông Tam Ích đã tìm thấy và mang đi cùng với ông ta – cùng với niềm bí mật muôn đời của Sự Chết – những lời giải đáp đích thực. Trước cánh cửa lớn dẫn vào Nhà Trời có thể sẽ có một con Sphinx đứng cạnh cửa. Nó sẽ đặt ra một hay nhiều thai đồ... Như trong thần thoại Hy Lạp vậy.

Sự khác biệt giữa Đông phương và Tây phương chỉ ở một điểm đó: Tây phương ham biết, ham chiếm đoạt sự hiểu biết trong khi Đông phương chỉ mong được quên những điều đã biết. Chỉ mong “Về đi, sao chẳng về đi?”

Linh hồn nhà văn Tam Ích thân mến của chúng ta chắc cũng phải xếp hàng nối đuôi theo sau những linh hồn khác để chờ đợi tới phiên mình húp bát cháo lú.

Tất cả nước biển cũng không đủ để rửa một vết máu “trí thức”, trong khi đó chỉ cần một bát cháo lú là đủ.

Cuốn “Le dernier de Justes” được giải Goucourt, trong đó kể những “kiếp nạn” của dân Do Thái, tác giả có kể một “légende” về dân Do Thái như sau: Khi linh hồn một «Juste» vô danh lên Trời, tâm hồn của nó giá lạnh đến nỗi Thượng Đế phải ấp ủ nó trong lòng bàn tay hàng ngàn năm mới sưởi ấm được, để cho tâm hồn đó tự mở ra trước cửa Thiên Đàng. Đôi khi tâm hồn của một Juste giá lạnh đến nỗi không thể sưởi ấm được nữa. Chỉ vì những nỗi khổ sở của nhân loại.

Bởi vậy mà đấng Tạo hóa đôi khi thương tình đã phải vắn ngược trở lại một phút chiếc đồng hồ báo giờ tận thế (Jugement dernier).

Không hiểu linh hồn dân Việt Nam như một ông Tam Ích sẽ giá lạnh cỡ nào dưới những khổ đau của chính dân tộc Việt Nam và không hiểu Thượng Đế phải mất bao nhiêu năm mới sưởi ấm lại được ?

NGUYỄN QUỐC TRỤ

(Tập chí Văn, Số 196, Đặc Biệt Đầu
Năm 1972, trang 117-118)

https://art2all.net/tho/tho_nqt/tuong-niem_tamich.html

**Tam Ích Lê Nguyên Tiệp –
Một Lời Nguyện Thiết Tha:
Xin Cho Tôi Chết Lạ**

VŨ BẰNG

Tam Ích đã tự kết thúc cuộc đời một cách đặc biệt ở trên căn gác của anh tại số 531/74 Phan Đình Phùng góc Nguyễn Thiện Thuật vào khoảng một giờ rưỡi đến hai giờ trưa ngày 5 tháng Giêng Dương lịch năm 1972 (tức là ngày Ất Mùi 19 tháng Mười một Âm lịch năm Tân Hợi). Sáng ngày 4 tháng Giêng, Tam

Ích khác hẳn lệ thường, đưa chị Tam Ích ra tận phi trường Tân Sơn Nhất, tiễn đưa chị đi Hội An thăm gia đình và nhân tiện dự một đám cưới con cháu ở ngoài đó cử hành vào ngày 7 tháng Giêng Dương lịch. Sáng hôm sau, 5 tháng Giêng, Tam Ích đến quán Tân Phương Khanh ở đường Lê Văn Duyệt, là nơi chúng tôi vẫn ngồi uống rượu, uống trà từ hai năm nay, không biết để làm gì. Thấy chưa có ai tới đó, Tam Ích lại sang tòa báo Văn Học ở cạnh đó, hỏi cô thư ký xem có thấy ai chưa. Khác hẳn mọi lần, Tam Ích không để lại một chữ gì. Trưa hôm đó, anh tự kết thúc đời mình.

Et le tour est joué! (Thế là xong!)

Ngay buổi trưa hôm đó, hai anh trong bọn chúng tôi đến nhà riêng anh

Tam Ích hỏi thăm. Chị Tam Ích đi Hội An chưa về, chỉ có hai người con ở nhà. Hỏi tất cả những tin tức thân lượm được với những lời do các con Tam Ích cho hay thì những nét chính về cái chết của anh như sau:

Anh mất vào khoảng từ một giờ rưỡi đến hai giờ trưa ngày mùng 5 Dương lịch. Sự ra đi chắc chắn là được xếp đặt từ lâu nên chu đáo lắm. Có một điều hơi lạ là anh viết thư cho các nhà hữu trách “yêu cầu đừng điều tra lời thôi về cái chết của anh làm gì vì anh tự tạo cái chết của anh” viết từ ngày 10 tháng Chạp Dương lịch năm 1971 mà đến ngày 5 tháng Giêng Dương lịch 1972 anh mới thi hành ý định tiềm tàng từ lâu trong óc. Từ ngày 10 tháng Chạp đến ngày 5 tháng Giêng có điều gì xảy ra? Tam Ích âm thầm nung nấu trong trí óc những gì trong những

ngày rùng rợn một cách thần nhiên như thế?

Vậy, trưa hôm mùng 4, sau khi tiễn vợ đi ra sân bay Tân Sơn Nhất, Tam Ích đã làm những gì trong căn gác lạnh? Có phải anh hoàn tất sự xếp đặt để thi hành ý định manh nha từ lâu ở trong đầu. Thay vì đứng lên một cái ghế đầu như người khác, anh xếp tất cả những cuốn từ điển và những cuốn sách dày nhút trong phòng sách lại, đứng lên trên, lấy một cái dây ni lông nhỏ làm thông lọng, chui vào... Thế là hết. Cũng như anh thường nói bằng chữ Pháp với anh em: “Ça, non plus, ça ne m'est plus entrainant... Une goutte de cette “eau” brune qui a peur effet de me calmer – et le tour est joué!”

[Điều đó cũng không còn làm tôi phần khích nữa... Một giọt “nước” màu nâu này có tác dụng làm tôi bình tĩnh lại – thế là xong!]

Tam Ích chết giữa những chồng sách vở bề bộn chất cao ngất ở chung quanh, đứng lên văn chương sách vở mà chết. Nhưng đến khi chết, anh vẫn cố giữ cho hoàn toàn cái đẹp của kẻ sĩ trong thời buổi đảo điên: đẹp cả về tinh thần và vật chất.

Về vật chất: anh lấy mùi-soa bịt chặt lấy miệng lúc ngھnh đầu nhìn sang thế giới bên kia. Mặt khác, sợ rằng chân mình giầy giữa làm kinh động kẻ khác chẳng, anh lại cẩn thận lấy dây buộc chặt hai chân mình lại.

Về tinh thần: mọi công việc xếp đặt

đâu ra đấy, không để cho ai phải phàn nàn; tờ khai lý lịch, nhờ tôi làm giúp để gửi cho ông bạn chủ nhiệm tạp chí mà anh đương cộng tác; thư từ để lại cho vợ con rất phân minh; thậm chí đến một bản thảo của một người bạn quen biết anh ở hội Subud nhờ sửa chữa, anh cũng cho vào bao, kèm một bức thư trả lại chu đáo trước khi nhắm mắt...

Mặt khác, giáo sư Việt Hùng Nguyễn Quý Hùng (cùng dạy trường Pasteur với anh Tam Ích) còn cho biết, theo lời xác minh của các nhân viên trong ban giám đốc nhà trường, anh Tam Ích đã tỏ ra một thái độ rất chi ly, cẩn thận trước khi anh tự kết thúc đời mình. Theo lệ nhà trường thì ngày mừng 5 mỗi tháng, nhà trường đưa tiền thù lao trước cho các giáo sư, kể cho đến ngày 20, lại đưa lần nữa, tóm lại là mỗi tháng đưa hai

lần tiên. Thường thường từ ngày 1 hay 2 đầu tháng, Tam Ích đã ký giấy lấy thù lao, có khi lấy ngay từ cuối tháng trước. Đặc biệt là tháng giêng mới đây, Tam Ích tuyệt nhiên không hỏi gì hết, sang ngày 1, ngày 2 cũng không, chí kỳ đến ngày 5 là ngày Tam Ích còn đi ngang qua nhà trường (trước khi đến báo Văn Học), anh cũng không vào lấy... Nhiều người cho rằng vì anh đã biết mình phải chết nên không muốn mắc nợ một ai (vì dù sao cầm số tiền ấy cũng là một thứ lấy lương trước mà sau này phải trả bằng cách dạy học... mà Tam Ích biết trước là mình sẽ không bao giờ dạy nữa...)

Tính đến năm nay, Tam Ích được năm mươi bảy tuổi, theo âm lịch (tuổi Ất Mão) – theo đúng lời anh nói với tôi được chị Tam Ích xác nhận, mà cũng theo đúng lá số tử vi mà anh vẫn cùng

tôi xem để bàn luận về thân mệnh, cũng như về đại, tiểu hạn của anh.

Tôi đau buồn ghê gớm vì chuyện thầy mẹ tôi.

Bút hiệu Tam Ích nổi tiếng trong văn học sử đã lâu, làm lu mờ mất tên thật của anh. Chính tôi, lúc mới biết anh, phải đợi tới hơn hai tháng trời mới rõ tên thật anh là Lê Nguyên Tiệp, do một tấm cạc mà anh cho học trò anh, một hôm, mang đến cho tôi:

Tam Ích Lê Nguyên Tiệp

(không để số nhà)

Trong cạc, có viết những dòng chữ như sau:

Kính anh,

Mãi nay mới được sách anh cho. Đa

tạ và cảm động vì thái độ của anh đối với tôi. Tôi cũng vậy, đối với anh: đó là sự thật, chẳng phải màu mè gì.

Chúng ta già cả rồi, phải không anh? Có bao nhiêu nữa phải sống đâu mà kiểu cách xã giao. Âu đó cũng là cái duyên. Mes amitiés.

Thực ra anh không bao giờ nói tên anh cho tôi biết (có lẽ vì anh cho là không cần thiết) mà cũng chỉ cho biết đại khái anh sinh đẻ ở Thanh Hóa thôi, nhưng sau này tự mình tìm hiểu tôi được biết anh quê ở làng Ngọc Đường, tổng Vân Trai, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (tức là cùng quê – làng trên với làng dưới – của nhà báo lão thành Tô Văn Bùi Bá Nhân.)

Anh ở Nam từ lâu, từng tranh đấu trong nhóm Tạ Thu Thâu, Nguyễn An

Ninh, Phan Văn Hùm. Thời gian kháng chiến, anh tranh đấu chống Pháp xâm lăng, ở bưng và ngay trong nội thành, bị bắt giam và tra tấn tàn ác trong hai năm trời, một phần lớn vì anh từ trước chí sau không chịu khai tên một đồng chí nào của anh với các nhà chức trách lúc bấy giờ.

Trước khi anh mất, hàng ngày ngồi hội họp chuyện trò với nhau ở quán Tân Phương Khanh 67 đường Lê Văn Duyệt (gần trụ sở tạp chí Văn Học), Tam Ích thường hay gọi lại những kỷ niệm lúc còn mạnh khỏe và tranh đấu chống thực dân:

– Tôi nhớ... lúc ấy cái quán này lụp xụp lắm. Thỉnh thoảng bọn chúng tôi sau khi công tác rồi lại về hội họp ở đây uống nước đá chanh và ăn cơm Tây bình dân (lúc ấy mỗi phần có một đồng.)

Anh chỉ vào một người bạn, nói:

– Thằng này lúc ấy cũng ở trong bọn chúng tôi. Bây giờ già rồi, ngồi nghĩ lại y như giấc mộng, vừa thú vị mà lại vừa sợ nữa. Không phải sợ Tây nó đánh, không phải sợ đau khổ gian nan... nhưng sợ chính mình sao lúc trẻ lại khỏe mạnh đến như thế nhỉ... Bây giờ thì hết. Làm thế nào để lại hăng được như thế nữa?!

Ở nhà giam ra, Tam Ích bị cựu thủ tướng Nguyễn Văn Tâm đưa ra miền Trung an trí ở Hội An. Tại đây, anh gặp chị Tam Ích, đôi bên thành vợ thành chồng. Đầu năm 1954, Tam Ích được tha, vợ chồng dắt nhau về Sài Gòn, và anh tiếp tục làm nghề dạy học (Pháp văn) và viết văn viết báo. Trong thời kỳ này, anh hợp tác với nhiều tờ báo Pháp, Việt, phụ trách phần tiếng Pháp của đài phát thanh Sài Gòn, hợp tác với một người bạn chủ

nhà sách Vĩnh Lợi tiếp tục làm từ điển (công việc này anh làm từ khi còn bị an trí ở miền Trung.)

Điểm đặc biệt nhất của Tam Ích là bao giờ cũng chân thành nhận thức ở đời có rất nhiều người tốt (chớ không phải là đầy rẫy những người xấu xa tồi bại như nhiều người khác vẫn thường cảm nghĩ). Anh nói:

– Nếu ở đời đầy rẫy những người xấu xa tồi bại như thiên hạ vẫn thường nói thì bản thân tôi đây chết đã lâu rồi. Tôi sống được đến bây giờ là vì có nhiều người, rất nhiều người tốt với tôi. Nhưng nói thế không có nghĩa là ham sống. Sống hay chết đối với tôi cũng thế thôi... Điều quan trọng nhất, đối với tôi, là sống thì phải có ý nghĩa gì, tin tưởng cái gì, một khi thấy đời sống mất ý nghĩa, mình

không còn tin tưởng gì nữa thì sống hay chết cũng vậy mà thôi.

Một khi khác, đương ngồi uống hồng trà với nhau, gặp trời mưa không về được, Tam Ích bảo tôi:

– Hôm nay tớ có tiền, chúng mình ăn cái gì với nhau cho đỡ buồn.

Ít khi Tam Ích nói đến chữ “buồn”. Anh không lưu ý nhiều về tình cảm. Anh thích nói về nội tâm mình nhiều hơn. Chính nhờ những ngày mưa gió cầm chân khách ở nơi quán gầy như thế, tôi biết thêm về nội tâm của Tam Ích hơn một chút. Cái nội tâm này, anh đã có lần viết ra trong những bức thư giấy trắng tinh (chữ rất đẹp, rất rõ) gửi cho tôi qua bưu điện, nhưng qua những câu chuyện đối diện đàm tâm, tôi mới thực tình hiểu rõ các chi tiết ra sao.

Tam Ích là con trai một thế gia vọng tộc ở Thanh, thân phụ anh là một người hay chữ có tiếng tức là cụ cử Ngọc Đường. Hồi diễn ra cuộc di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam, anh biết tin của gia đình là cụ cử Ngọc Đường bị đấu tố. Anh Tam Ích không dám nhớ lại việc này (vì cứ nghĩ đến thì anh thấy rùng rợn quá) và cũng chỉ nói sơ sơ cho tôi biết vậy mà thôi, chớ không nói dài dòng. Nhưng qua nhiều bạn khác đã từng tranh đấu, đi sát với Tam Ích hồi đó, thì cụ cử Ngọc Đường, trước sự bất lực của một người con trai – em anh Tam Ích không dám đi ngược lại ý định của Đảng – đã nói với các người đấu tố như sau: “Tôi chẳng may sinh vào lúc đất nước bị xâm lăng, phải sống như mọi người, làm ăn như mọi người, một tắc sắt trong tay không có nên không đánh đuổi được thực dân. Tôi nhắm mắt lại làm ăn, có ít ruộng đất

để cho con, không ngờ như thế lại là có tội, vậy tôi xin chịu tội. Các anh không cần phải làm nhục, tôi tự xử lấy tôi đủ rồi.”

Nói rồi ông cụ treo cổ tự tử.

Gia đình ly tán, thân mẫu anh Tam Ích phải tha phương cầu thực kiếm ăn... Tam Ích hết sức đau đớn về chuyện đó. Chính anh, trong một bài báo đăng trong Văn Học đã nói qua về chuyện đó, ngoài ra anh lại viết cảm xúc của anh trong một bức thư gửi cho tôi, đại khái:

J'en ai jusqu'à la gorge car j'ai passé par mon historicité trop chargée: mon père pendu à cause du VM, ma mère isolée et condamnée à avoir faim et avoir froid. Je souffre énormément jusqu'à perdre ma raison de vivre! [Tôi nghẹn họng vì đã trải qua lịch sử quá tải của mình: cha tôi

bị treo cổ vì VM, mẹ tôi bị cô lập và bị kết án đói lạnh. Tôi đau khổ vô cùng đến mức mất đi lý do sống!]

Tam Ích đau buồn ghê gớm về vụ này, nhưng một lời nói là một giọt máu, tôi không nói sai làm gì: chính tai tôi chưa nghe thấy Tam Ích chửi rửa hay căm thù kháng chiến hay chính phủ một lần nào.

Nhưng nguyên nhân mất tin tưởng phát sinh từ đâu?

Qua nhiều buổi chuyện trò tâm sự khác, tôi được biết là sau khi nghe được tin thân phụ và thân mẫu chết một cách vô cùng oan khổ, anh Tam Ích chán nản vô cùng, nhưng đó cũng chưa phải là nguyên nhân làm cho anh vô tình với sự sống, với kiếp sống nhân gian. Cái đã làm cho anh nguội lạnh với cuộc đời là sự thất vọng, sự vô nghĩa của sự sống.

Trong bức thư đề ngày 30-8-1971, anh đã viết cho tôi: “Tôi cũng không hiểu tại sao tự nhiên tôi lại yếm thế một cách từ từ. Từ từ, vì hình như ở cõi nhân thế này không còn cái gì có ý nghĩa đối với tôi nữa.

... Anh thấy là nguy hiểm chưa anh? Khi mà người ta thấy không còn một chút nồng nhiệt, thì buồn nản hết sức – người ta có thể chấp nhận cái chết một cách hết sức, hết sức thản nhiên!”

Theo tôi, cái chết ám ảnh Tam Ích đã từ lâu, lâu lắm rồi, ít ra cũng là hơn một năm nay – khi anh viết cho tôi:

“Phải mà. Tôi có một lời nguyện: nếu phải chết xin cho chết nhẹ. Đó là điều mong duy nhất của tôi.”

(Si. J'ai fait une prière: si on doit

mourir, on meurt vite! Voi là mon seul souhait.)

Mà tại sao cái chết ám ảnh anh như thế? Điều này, duy chỉ có anh Tam Ích biết mà thôi, nhưng qua những bức thư anh gửi cho tôi, qua những câu chuyện tâm sự lúc chỉ có hai anh em, khi thì đông đảo bạn bè, lúc dắt nhau đi thơ thẩn trên các nẻo đường, hay khi ngồi trước một ly nước trà, một đĩa thịt bò lúc lắc hay vài ba cái bánh ngọt, bây giờ suy ngẫm lại thì tôi thấy rằng anh chán sống, luôn luôn nghĩ đến cái chết vì nhiều lý do khác biệt, nhưng lý do chính là vì anh mất hết cả tin tưởng trong cuộc sống.

Tư tưởng yếm thế – cái yếm thế trầm trầm mà Tam Ích đã nói tới trong bức thư gửi ngày 30 tháng 8 năm 1971 – thực ra không phải mới phát sinh như anh đã nói, nhưng từ lâu lắm rồi – ít nhất cũng

từ trọng đông năm 1970 là thuở tôi gặp anh lần đầu. Mặc dầu là trong những khi trò chuyện tâm tình với nhau, Tam Ích cười cợt, pha trò và có nhiều khi chỉ vì một lý do rất tầm thường anh bỗng cất tiếng cười ha hả, cười rất lâu, có khi đến chảy nước mắt ra, tôi vẫn thấy ở trong anh có một cái gì rất chán chường vương ở trong đôi mắt anh, một cái gì chua chát xót xa trong cặp môi anh.

Thoạt đầu, tôi cho là tại anh không được mạnh, mà không có sức mạnh, người ta buồn rầu cũng là lẽ tự nhiên. Nhưng chính Tam Ích, trừ phi có hỏi mới nói đến bệnh tật của mình, ngoài ra tự nhiên không bao giờ anh lại phàn nàn về bệnh tật.

Nói về bệnh tật, anh nói vắn tắt và thản nhiên: “Cơ thể tôi hỏng cả,” hay: “Họ đánh tôi nhiều quá, nhất là hai bàn

tay, máu và nước vàng chảy ra nhiều quá, chữa lâu lắm mới khỏi. Nhưng dạo này máu và nước trong lỗ tai lại chảy ra như trước“, hoặc: “Tôi đau cái đầu quá sức, nằm không chịu được, ngồi cũng không chịu được. Chốc nữa, tôi lại phải kiếm một rạp chiếu bóng nào có máy lạnh vào ngồi để cho mát cái đầu rồi đến chiều tôi mới về.”

Tháng 5 năm 1971, anh Vương Bách đưa anh vào bệnh viện Bình Dân chiếu điện. Kết quả: cơ thể anh tốt cả, không có cao áp huyết mà nước tiểu không có trùng trắng trứng hay đường. Chính Tam Ích lấy làm ngạc nhiên hết sức khi báo cho tôi tin đó và đưa cho tôi các giấy tờ của bệnh viện cấp cho anh. Anh nói: “Tant mieux” (Càng tốt) rồi nói sang chuyện khác.

Trong anh em bạn bè có người cho rằng anh chán nản thường nói tới không thiết sống, là vì đời sống gieo neo, nhất là không đủ tiền để hút (vì anh có hút thuốc phiện). Riêng tôi, có thể nói rất nghiêm nghị mà không sợ anh Tam Ích ở dưới tuổi vàng cải chính: Tam Ích hút, nhưng hút rất ít, mỗi ngày dăm bảy điếu, số tổn phí về á phiện, so với các anh em khác, không đáng kể, so với lợi tức hàng tháng của anh, kể cả dạy học, viết văn thường thường có chừng dăm sáu chục. Mà dăm sáu chục đó, anh không phải chi tiêu về gia đình nhiều vì vợ con anh đều có lợi tức riêng. Một phần lớn tiền anh kiếm được, chỉ để tiêu cho riêng mình, đại khái như ăn bánh, uống nước, giúp đỡ các anh em nghèo túng hay mua báo chí sách vở ngoại quốc để đọc – vì anh có thể nhìn ăn được nhưng không nhìn được đọc sách, mỗi khi có kỳ báo Pháp,

báo Mỹ qua đây, thể nào cũng phải mua cho kỳ được mấy số báo quen thuộc, nếu không thể thì bản khoản, bút rút không chịu nổi.

Riêng về vấn đề thuốc phiện, Tam Ích từ tháng Hai 1971 đã cai hai lần. Anh hỏi các bác sĩ về những thuốc cai của Tây mới nhứt, anh lại tìm các môn thuốc cai của ta có tiếng là thần, ngoài ra anh lại tập Zen và ghi tên vào hội Subud để luyện trí óc cho kiên cường.

Lấy tư cách là một người đã hút và đã cai, chính tôi đã khuyên Tam Ích chẳng nên cai làm gì vì lẽ anh không được mạnh, cổ cai có khi sinh ra biến chứng nguy hiểm cho sự sống. Đến lúc mất, Tam Ích chưa bỏ hẳn được thuốc phiện, nhưng tôi biết chắc chắn mỗi ngày anh chỉ dùng có bảy, tám giọt pha với nước trà, như thế để rút dần dần đi. Hỏi rút

như thế thì có làm sao không, Tam Ích bảo chẳng làm sao hết. Như vậy, theo ý tôi, vấn đề tiền tài và thuốc phiện không phải là điều làm cho Tam Ích chán chường đến nỗi không thiết sống.

Còn vấn đề vợ con. Với tôi, Tam Ích cũng không bao giờ tỏ ra buồn khổ vì vấn đề vợ con. Về vợ, chỉ có lần Tam Ích nói – và câu này, nếu còn sống, anh cũng cho phép tôi nhắc lại vì anh viết trong thư – mà thư ấy, theo ý anh thì muốn tôi sau này sẽ in thành sách ghi là Thư tín giữa Tam Ích – Vũ Bằng:

J'ai aussi mon drame domestique. Une goutte d'eau qui croit faire déborder le vase. Ma femme comprend les choses à sa façon. Que c'est curieux! Que c'est humoristique! [Tôi cũng có một nỗi niềm. Một giọt nước tưởng chừng làm vỡ lọ hoa. Vợ tôi hiểu mọi chuyện theo cách

của cô ấy. Thật tò mò! Thật hài hước!]

Hai chữ *aussi* và *humoristique* (do tôi gạch ở dưới) theo tôi, tỏ ý rằng Tam Ích không mấy chú ý đến chuyện đó và chỉ cho nó có một giá trị tầm thường. Thằng hoặc có hôm, anh vừa cười vừa nói: “Vợ tôi lại mới giận tôi. Nguyên do? Tiền vợ tôi cần, tôi mượn tôi mua sách mất hai ngàn, hôm nay phải xoay đem trả lại”, hoặc: “Vợ tôi muốn tôi nhận công tác trực tiếp với nhà sách Vĩnh Bảo. Nhưng tôi tin tử vi, không chịu làm. Vợ tôi không bằng lòng nhưng sau cũng nghe tôi...”. Đó, những chuyện gia đình đại khái như thế cả. Đứng ở ngoài nhìn vào, thì đó cũng chẳng phải là chuyện to lớn gì mà hầu hết người đàn ông nào chẳng có những bất mãn vặt ở trong gia đình như vậy?

Đến vấn đề con, anh có tất cả năm con, cả năm đều đã trưởng thành: một tòng sự tại sở Điện lực, một tòng sự ở hãng Esso, một học năm thứ tư trường Luật, còn hai gái thì đã lớn và thành gia thất, một ở với ông và một làm dược sĩ lấy chồng quân y giúp việc tại một bệnh viện lớn vào bậc nhất trong Chợ Lớn.

Vậy có thể coi là về vấn đề gia đình Tam Ích cũng không đến nỗi buồn muốn bỏ cuộc đời này ra đi.

Cái tâm sự mà Tam Ích hay đề cập với một vài anh em và nhắc đi nhắc lại nhiều lần với tôi, trong các câu chuyện lẫn trong các thư từ trao đổi là vấn đề này:

“... mais quoi écrire, écrire pour quoi faire? Et pour qui?”

... Même si mon œuvre tombé en ruines d'un coup, ça me laisse froid...

N'est ce pas dangereux, pour un homme, my dear? Quand on n'a plus un peu de passion, ça devient trop banal – on accepte la mort avec beaucoup d'indifférence...”

Thật vậy từ lâu đã lâu lắm Tam Ích rất dửng dưng với đời. Tại sao? Là vì anh không còn tìm thấy lẽ sống nữa. Lẽ sống ấy, anh mất đi từ lúc cha bị đầu tẩu, mẹ lưu lạc bạt tin. Đã vậy lại còn bao nhiêu đau đớn đè trĩu lấy vai anh, gieo rắc u buồn thất vọng vào óc anh; đến nỗi chính những chiến hữu của anh bây giờ còn sống ở đây, nhiều lần đã phải nói nhỏ với tôi:

“Tam Ích hãy còn sống được, cũng là điều lạ. Tôi tưởng nó phải chết đã lâu rồi!”

Những người bạn đó nói như thế không phải nói đùa, nhưng nói như thế để ca ngợi Tam Ích là người can đảm, chịu đựng. Nhưng sức người dù can đảm, chịu đựng đến chừng nào đi nữa có một lúc cũng phải quy: ấy là lúc đã hết cả hy vọng rồi, hết cả tin tưởng rồi, hết tin tưởng vào chủ nghĩa đệ tứ, hết tin tưởng vào chủ nghĩa đệ tam, hết tin tưởng vào chủ nghĩa quốc gia, hết tin tưởng vào Phật giáo. Thanh niên là tương lai của quốc gia, Tam Ích cũng không tin tưởng nốt. Mà bóng của hòa bình thì mờ mịt, xa xăm, không biết dân ta còn thảm khổ, rên xiết đến bao giờ mới ngẩng được đầu lên...

“Đối với một người, có phải mất tin tưởng, có phải dừng dưng với cuộc đời như thế thì nguy hiểm quá, phải không?”

“Một khi người ta đã không còn lấy một chút nồng nhiệt trong lòng thì buồn tẻ quá chừng – người ta tiếp nhận cái chết một cách hết sức, hết sức dửng dưng...”

Trong trường hợp Tam Ích, chết mới đúng là giải thoát.

Tam Ích chết, theo tôi, vì anh là một nghệ sĩ: nghệ sĩ đi tìm cái đẹp, đi tìm hạnh phúc mà không thấy cái đẹp, không thấy hạnh phúc thì tự mình thấy mình vô ích, sống thêm vào nhiều năm nữa cũng chỉ là vô ích và kéo dài thêm sự tủi nhục cho bản thân, sự đau đớn cho tâm hồn mà thôi.

Tôi nhớ cuối năm 1971, trước lễ Giáng Sinh, Tam Ích một hôm tự nhiên tặng tận tay tôi một bài (chưa đăng tải báo nào) nói lên cái ý tôi vừa nói đó. Bài này là một bài (hiện tôi vẫn còn giữ làm tài

liệu) nhan đề là Chuyện chân lý riêng và chân lý chung của con người lấy cuốn Cô lầu mộng của cụ Ngọc Am Võ Liêm Sơn bàn luận về văn nghệ. Đại ý câu chuyện là Khái Sinh – nhân vật chính trong truyện – cũng mất tin tưởng ở cuộc đời. Tất cả chỉ là một ác mộng: công danh, sắc đẹp thu hết vào trong “một bộ xương khô”, tiếng Tàu kêu là một tòa cô lầu mà giấc ác mộng thì kêu là cô lầu mộng.

Khái Sinh bỏ nhà, bỏ vợ ra đi và tưởng là tìm được chân lý, nhưng lắm, vì chán chường, cuộc đời nhợt quá. Chàng nói với mẹ: “Con không làm cho thế giới này đổi ra thế giới khác thì ít ra con cũng tìm được một nơi trong sạch ở ngoài thế giới này.”

Khái Sinh đi, đi mãi nhưng vẫn không tìm ra chân lý. Kết cục ông Ngọc Am không nói rõ Khái Sinh đi đâu.

Kết luận, Tam Ích viết như sau:

“Chân lý là sự giải thoát cá nhân ra khỏi tất cả những công thức xã hội, văn hóa... cá nhân thực hiện được hết cái bản năng tiềm tàng, phong phú và cái cá tánh đầy sinh tố tinh thần của mình, không bị một công thức lịch sử xã hội hay văn hóa trói buộc, không bị một nền văn hóa phong kiến hay tư bản nào đàn áp.”

Muốn thực hiện được chân lý ấy, cần phải cải tạo xã hội và giải thoát cá nhân. Nhưng không bảo ta nên quên rằng chân lý là hình ảnh của viễn vọng chứ không phải là sản phẩm của hiện tại. Con đường đến chân lý sẽ dài và rất kỳ khu. Đến đích, mỗi cá nhân sẽ giành được quyền tự do phát triển cá tánh và bản năng đến cực điểm, không bị một sức mạnh kinh tế và văn hóa nào chi phối nữa.

Ngày đó, chân lý chung của loài người sẽ xuất hiện. Nhưng vì đui mắt, vì thấy mình mất tin tưởng mất rồi, Tam Ích tự coi mình là vô ích nên chết đi, nhưng ta nên biết một đặc thù này: Tam Ích tự mình ấn định cái chết của mình, tự mình quyết định cái chết của mình, tự mình chọn lựa cái chết của mình, tự Tam Ích đã tỏ ra là anh giải thoát cho mình không cần đợi cho Thần chết giải thoát, tự anh chọn lấy cái chết chớ không cần đợi Bắc Đẩu, Nam Tào, tự anh định đoạt giờ giấc và cách thức chết chớ không cần đợi Thiên Nhiên hay Thượng Đế định đoạt. Trước thiên nhiên và trước xã hội loài người, Tam Ích, đến lúc đi sang thế giới khác, vẫn phản kháng thiên nhiên, phản kháng công thức xã hội (cho rằng tự vẫn là nhát và sẽ mất linh hồn), và lấy cái chết của mình để mình tỏ rằng anh, chỉ có anh, mới có thẩm quyền định

đoạt cái sống cái chết của anh, chỉ có anh có quyền tự do phát triển cá tánh và bản năng đến cực điểm, không có một sức mạnh kinh tế văn hóa nào chi phối nổi.

Trọng đông Tân Hợi

Văn Học số 145 (1-4-1972)

✱

Từ ngày 30 tháng Chạp 1971 (Dương lịch) đến ngày 4 tháng Giêng 1972, tôi chỉ gặp Tam Ích thêm một lần. Khác những lần gặp trước, lần này, anh có vẻ tươi hơn và có vẻ mạnh hơn. Nhưng chúng tôi không trò chuyện được với nhau lâu “ở cái quán cóc quen thuộc” vì hôm đó có hơn mười anh em tề tựu để nói về các vấn đề thời sự văn nghệ.

Uống cạn một ly hồng trà, Tam Ích chấp tay vái mọi người, cười ha hả rồi đi về phía Ngã Sáu. Anh cũng không hỏi tôi đã điền vào bảng kê khai lý lịch của ông chủ báo bạn anh chưa.

Vì bạn rộn mưu sinh, tôi chưa làm được cái công việc anh giao phó thì sáng mừng 6 tháng Giêng Dương lịch năm 1972, bạn Phạm Trần, rồi tới giáo sư Nguyễn Quý Hùng, đến Quán Cốc nói trên, báo cho tất cả anh em biết là anh Tam Ích đã qua đời rồi.

Tất cả anh em ở đấy đều bùng mặt khóc – mà những bạn “giang hồ” nhất, “chai” nhất, lại khóc trước nhất, nhiều nhất, ghen ngào nhất, ảm ức không nói được lên lời. Tôi cũng khóc, và ngay lúc ấy tôi hiểu tại sao Tam Ích lại lấy cớ đi xa khỏi Sài Gòn, nhờ tôi điền vào bản kê

khai lý lịch ông chủ nhiệm tờ tạp chí gửi
cho anh vào một ngày cuối năm 1971.

Văn Học số 145 (1-4-1972)

ĐỌC THÊM VỀ TAM ÍCH

Viên Linh

Nhà văn, nhà phê bình, giáo sư đại học Tam Ích, hồi 14 giờ chiều ngày 5 tháng 1. 1972, đã treo cổ tự tử tại tư thất số 563/74 đường Phan Đình Phùng Sài Gòn, để lại bốn bức thư tuyệt mạng gửi cho nhà chức trách, thân nhân và ông Ngô Đình Cẩn, Hội Subub, cùng hàng ngàn bộ sách quý. Được biết, ông Tam Ích lợi dụng lúc toàn gia đình

đi vắng, đã ra sân thượng, dùng nhiều quyển tự điển và các sách bìa cứng xếp chồng lên nhau, chui đầu vào chiếc thông lọng đã buộc sẵn từ một xà ngang, rồi đập đổ chồng sách dưới chân. Tác giả “Nghệ thuật và Nhân sinh” tên thật là Lê Nguyên Tiệp, sinh năm 1915 (có nơi ghi là 1917) quê xã Ngọc Đường, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, già biệt cuộc đời vào lúc mới 58 tuổi.

Thuở thiếu niên Tam Ích là một học sinh rất giỏi ở Trường Vinh cùng thời với ông Phạm Biểu Tâm khoa trưởng Đại Học Y Khoa sau này. Ông cũng là một nhà văn thiên tả nổi tiếng, đã cùng với hai ông Thiên Giang và Thê Húc thành lập tờ sách Chân Trời Mới, xuất bản loại sách nghiên cứu phê bình văn học chính trị có khuynh hướng Xã Hội Chủ Nghĩa. Ông cộng tác với hầu hết các tạp chí văn

học uy tín tại Sài Gòn, có thể kể Giữ Thơm Quê Mẹ do Nhất Hạnh chủ trương (1965), Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh (1966-) Văn do Trần Phong Giao điều hành, và các báo Khởi Hành, Diễn Đàn, Thời Tập của Viên Linh.

Tác phẩm đã xuất bản của ông có thể kể:

- “Nghệ thuật và Nhân sinh,” Chân Trời Mới, Sài Gòn, Nam Việt xuất bản năm 1949 [*đề trên sách cùng viết với] Thiên Giang, Thê Húc.
- “Dialogue,” (Lá Bối xuất bản, 1965), đồng tác giả với Nhất Hạnh (viết tiếng Anh,) và Tam Ích (viết tiếng Pháp). Bài của Tam Ích nhan đề: Lettre à André Malraux.

- “Trẻ Guernica,” Lá Bối. Nguyên tác của Hermann Kesten, Blanche Gidon

dịch ra Pháp ngữ, Tam Ích “diễn” ra Việt ngữ. Chữ diễn là do Tam Ích muốn dùng như thế, hơn là dịch.

- “Sartre và Heidegger trên thảm xanh,” 1968.

- “Ý Văn, I,” Lá Bối, 1967.

Khoảng ba bốn năm gần đây, vì tình trạng sức khỏe không cho phép, ông đã tạm nghỉ việc huấn luyện sinh ngữ và dạy Triết tại Viện Đại Học Vạn Hạnh, Đà Lạt, Louis Pasteur, v.v... Ông được bốn người con gồm ba trai và một gái, tất cả đều đã trưởng thành. Tam Ích là con trai của cụ Tú Lê Nguyên Long, từ năm 1935 đã bỏ quê hương Thanh Hóa vào Nam tham gia nhóm Đệ Tứ của Tạ Thu Thâu. Hồi thập niên ‘40, đầu ‘50 ông ở Sài Gòn hoạt động ủng hộ kháng chiến, thành lập nhóm Chân Trời Mới nghiên

cứu chủ nghĩa Mác Xít. Nhóm Chân Trời Mới đã tung hoành một thời gian trong làng báo và ngành xuất bản mà những bài tham luận của Tam Ích được đón đọc một cách nồng nhiệt, uy thế của Tam Ích lên cao thì mật thám Pháp bắt ông tra tấn đánh đập tàn nhẫn hàng tháng trời nhưng ông không khai ai hết! Cuối cùng ông bị Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đưa ra an trí ở Đà Nẵng. Tại đây ông làm tự điển gọi là Tự Vị Pháp Việt với Đào Văn Tập và đi dạy Pháp Văn.

Khi trở về Sài Gòn, Tam Ích không hoạt động gì nữa. Năm 1954 đồng bào miền Bắc di cư vào Nam trong đó có đồng bào Công Giáo Ba Làng tức là các làng Sùng Mãn, Ngoại Hải, Như Xuân và các làng không Công Giáo như Du Xuyên, Biên Sơn, Ngọc Đường, đã báo tin cho Tam Ích biết cụ Tú Ngọc Đường

thân phụ của ông đã bị chính người con trai, cũng là em ruột của Tam Ích, một cán bộ cộng sản, đưa ra tố khổ. Cụ Tú Ngọc Đường phải tự vận chết, còn cụ bà thì bị đuổi ra khỏi nhà. Hẳn là từ đó những sách vở mà ông cho là tiến bộ của thời đại, chủ thuyết mà ông và bằng hữu thời trẻ lập nhóm để nghiên cứu, nhà xuất bản Chân Trời Mới in những nghiên cứu sưu tầm và những hệ luận từ đó mà có, đáng để ông giẫm chân lên, và đạp đổ đi.

Tôi không có mặt tại hiện trường, chỉ hỏi quanh những bạn bè từng tới lui nhà Tam Ích, như Hoàng Trúc Ly, Trần Tuấn Kiệt, rằng có ai có mặt ở đó ngay tức khắc không, và chống sách mà ông giẫm chân lên là những cuốn nào, ngoài “mấy cuốn từ điển” như người ta nói. Không ai biết gì hơn. Theo một thư mục

nọ, thì bảy phần mười sách của Chân Trời Mới in ra, mà Tam Ích là linh hồn, là sách nghiên cứu, khảo luận. Hai phần mười là sách dịch, còn lại mới là truyện. Như thế, sự đóng góp của ông nhiều lắm. Tôi tin dưới chân Tam Ích, cách một khoảng không, có những cuốn như Tìm Hiểu Biện Chứng Pháp, Giữa Hai cuộc Cách Mạng, Văn Chương và Xã Hội, Cuộc cách mạng Việt Nam thành công chăng?... Toàn sách do Chân Trời Mới in khoảng 1947, 48, 49.

Cái chết của nhà văn Tam Ích khiến giới cầm bút miền Nam buồn bã. Và ngậm ngùi. Có lẽ ngậm ngùi nhiều hơn. Nguyên do thúc đẩy tới sự việc hiện chưa ai được biết rõ, và trong lá thư gửi cho nhà chức trách, kẻ tuyệt mệnh “yêu cầu đừng điều tra về cái chết của ông, bởi ông tìm lấy” - như Dương Trữ La viết

trong tin Thời sự Văn nghệ trên Khởi Hành - nhưng nhìn qua thì ngoài những phiền bức, những hệ lụy của đời sống thường tình phải có trong một “thời đại pháo xiết,” hẳn còn những nguyên do có thể suy đoán - một cách xa gần - thường khiến những người trí thức tự kết liễu đời mình. Những tuyệt vọng và những phi lý siêu hình.

Giẫm chân lên một chồng sách cao, đẩy đổ chồng sách xuống, ông bước cái bước cuối cùng trên dương thế, trên chữ nghĩa, trên chủ thuyết. Buông hai chân trong không, và hai tay trong không, ông chết đứng, chết lửng lơ. Cái chết không thoải mái, cái chết rất khổ cực, cái chết khó thở. Năm mươi tám tuổi là còn trẻ lắm. Còn sống lắm. Nhưng hẳn là người quá cố đã thấy đời sống không còn ý nghĩa gì nữa. Theo mô tả của một nguồn

tin thông thạo, ông đã dùng dây tự buộc hai chân mình lại, và dùng khăn mùi-soa tự nhét vào miệng mình, để tránh đi một hình ảnh xấu, như cái lưỡi có thể thè ra, và hai chân có thể vung vẩy vô ích. Chắc thế.

“Lửa giường,” lạ thay lần này không ấm nữa. Ngọn đèn dầu lạc cũng không còn để làm gì nữa. Và tiền được vốn gây nên những thiên đường ảo giác lần này vô dụng, tuy rằng chưa chắc ông đã cần những ảo giác do nó đem lại. Nó vốn là thuốc quên, lần này thật là hiếm hoi, không còn công hiệu chút nào. Người quá cố nhất định còn sáng suốt đến giây phút cuối cùng. Nhưng đã phải chọn cái chết. Điều đó thật là buồn rầu. Càng buồn rầu hơn khi những năm sau này ông đã xa cái Chân Trời Cũ kia, và hô hào cho một nền văn chương dân tộc, là ‘văn chương

miền Nam vạm vỡ,” như ông viết trong bài “Văn chương Tân Duy Nhiên ở Việt Nam” đã đăng trên Khởi Hành.

Nhà văn mới quá cố là người tôi có dịp liên lạc nhiều trong mấy năm sau này, từ khi ông viết cho tờ Tuần báo Nghệ Thuật - tôi làm thư ký tòa soạn, 1965-66, viết cho Khởi Hành - và viết thường xuyên “mỗi tuần chỉ một trang” cho tờ tuần báo Diễn Đàn từ khi tôi làm chủ bút tờ tuần báo này. Ông là người nhiều tin tưởng, vui vẻ nhưng có đôi chút mặc cảm với lớp trẻ tuổi, tôi nhận thấy như thế, nhưng hy vọng nhận lầm. Tôi không rõ đây là mặc cảm gì, nhưng có một cái gì đó như là ngập ngừng; hay tính ông vốn thận trọng, e dè chăng? Một cách nào đó tôi thấy Tam Ích rất dẫn đo khi nói chuyện, giống như cách viết của ông - ông hay dùng những gạch ngang trong

câu văn - một cách như là dừng lại để nhấn mạnh, dừng lại để nói thêm - trước khi để câu văn nổi mạch. Cái đáng quý nhất ở ông là ông tự nhận mình là nhà văn lớp trước, đã thất bại, ông tạo cho một số người đi sau cái hào quang rực rỡ về việc cầm bút; trong khi qua tấm gương cụ thể nhất là ông, nghề cầm bút không rực rỡ như thế.

Cũng may mà có cuộc đảo chính 1964, không khí chính trị bớt ngột ngạt, và môi trường văn hóa mở rộng hơn, ảnh hưởng chính trị giáo dục Kỳ-Tô-Giáo xẹp đi dần, báo chí có tinh thần Đông Phương, khuynh hướng dân tộc trở về nguồn, và Thiền học nhẹ nhàng như một cơn gió mát, một lớp sương mai làm chân trời xanh hơn, mơ màng hơn, đẹp huyền diệu hơn. Nếu không có cuộc đảo chính đó, chưa có các tạp

chí như Giũ Thơm Quê Mẹ, Tư Tưởng, Nghệ Thuật, và chưa có những đại học như Vạn Hạnh, Hòa Hảo,... và những trí thức như Tam Ích, Thạch Trung Giả, Hồ Hữu Tường... chưa thể xuất hiện trở lại.

Một điều khác là Tam Ích làm giảm đi ảnh hưởng các nhà văn nhà thơ quốc tế bên các nhà văn nhà thơ Việt Nam; nhấn mạnh nhiều lần rằng chúng ta dư sức viết hay như họ, không lý gì để nghĩ rằng Tây là nhất, Mỹ là nhất. Ta cũng vẫn nhất như thường. Điều này rất quan trọng khi mà trước đó không lâu, và kéo dài trong nhiều năm, mấy ông du học ở Tây, ở Bỉ về nước đem theo thơ văn những Paris, những tóc vàng, những nhân vật chêm tiếng Pháp linh tinh tạo cho độc giả trẻ cái lai căng trí thức và một khi nói đến Văn đến Triết là nói đến Prévert, đến Sagan, đến Sartre,... Những người như Tam

Ích, tiếng Pháp không thua thầy dạy mấy ông Tây con kia, đề cao văn chương dân tộc, ca ngợi Việt Nam, đã góp công rất nhiều để Văn học Miền Nam thời kỳ thứ hai - từ 1964 tới 1975 - phong phú hẳn so với thời kỳ 1954-1964.

Trên tờ Nghệ Thuật trước đây cũng như ngay trên mặt báo Khởi Hành, Tam Ích có nói tới vài ba cây bút trẻ là những người có những “truyện ngắn hay nhất trong thế kỷ này” mà ông đọc được. Nói như thế chắc là không đúng hoàn toàn. Nhưng có nên hiểu một cách khác chăng; là ông muốn nói Tây Mỹ gì nó cũng thể thôi - (Bùi Giáng diễn tả ý nghĩ tương tự bằng một danh từ khác: bá láp.) - Nó cũng nhiều cái vớ vẩn bá láp không kém gì mình, đừng tưởng rằng chỉ có ở Tây Bán Cầu là nhất thế giới mà lầm. Ông bảo nghĩ như thế là “u mê đại độ” (trong

bài “Mười Năm Truyện Ngắn” - Nghệ Thuật Xuân Bính Ngọ 1966). Ông bảo sở dĩ ta chưa có dịp để năm châu bốn biển trầm trồ khen ngợi là vì đất nước lâm vào những cảnh “lịch sử chó má” nên chưa ai biết đến văn chương mình mà thôi.

Nhiều tin tưởng như thế, ông hẳn là người cởi mở. Là người mời ông viết bài cho ba tờ tuần báo khác nhau từ 1966 tới nay, tôi chưa từng thấy ông chê bai một ai trong bài viết, dù rằng hầu như trong bài viết nào ông cũng nhắc đến tên năm bảy người. Ông nhắc nhở nhiều lắm, mỗi khi có dịp. Ông không phải là một học giả chỉ còn chú ý đến vấn đề, vấn đề không thôi, mà luôn luôn chú ý đến sự kiện và nhân vật. Đọc ông sẽ biết thêm những liên hệ của ông đối với những người được nhắc đến. Sẽ thấy từ ông A đến ông Z, và từ một tác giả lão thành

tới một người chưa tên tuổi. Đó cũng là một điều đáng quý: Qua điều này, Tam Ích chứng tỏ ông luôn luôn theo dõi sinh hoạt văn học nghệ thuật, những chuyện đang xảy ra, những người vừa mới tới: ông có tuổi, tóc đã bạc, nhưng chưa ra ngoài lề, không đứng bên lề sinh hoạt, mà ở trong, có mặt thường trực, bên cạnh các nhà văn nhà thơ trẻ. Chắc chắn ông không bao giờ muốn để mất một khoảng cách nào. Nhưng không biết, anh Tam Ích, vì sao anh tự ái? Và vì sao tên anh có đến ba lần gạch chéo? Như thủ bút anh từng viết dưới mỗi bài: XXX?

Viên Linh

(Sài Gòn, 13 tháng 1, 1972.

Viết bổ sung 2006.)

Ngay từ buổi đầu, vào những năm '30, [chủ nghĩa mác-xít du nhập vào Việt Nam] đã có sự phân chia làm hai trường phái, nói giản dị hơn, hai khuynh hướng: Đệ Tam và Đệ Tứ. Ở Việt Nam Đệ Tam do Nguyễn Ái Quốc, sau này là HCM, đứng đầu; Đệ Tứ do Tạ Thu Thâu đại diện. Cả Staline và Trotsky đều là nhân viên Bộ Chính trị Đảng CS Nga, thân cận của lãnh tụ Lenine. Nhưng sau khi Lenine chết, 1924, cuộc Cách Mạng Tháng Mười 1917 ở Nga bị Staline phản bội. Staline đã dựng nên những vụ án gọi là “gián điệp,” “theo phát xít Đức Nhật,” “tay sai đế quốc tư bản” để loại trừ những người đối nghịch, kể cả Strosky. Trong số 1956 đại biểu của Đại Hội XVII, Staline bắt giam và thủ tiêu 1,108 người về các tội trên. Năm 1939 trong các bức thư từ Trung Quốc gửi về VN cho Đảng CSVN, Hồ Chí Minh tán thành các vụ án do

Staline dựng nên và gọi phe Đệ Tứ của Tạ Thu Thâu là “bọn chó săn của phát-xít Nhật và phát-xít quốc tế.” (Tóm ý của Hoàng Hoa Khôi trong bài “Về Phong Trào Đệ Tứ Việt Nam,” Paris, 1991.) Chú thích này mới bổ sung, không có trong bài viết về Tam Ích năm 1972.

<https://www.nvbonphuong.com/forums/archive/index.php/t-195140.html>

